

Bàn thêm về ảnh tượng Công giáo

TRẦN VĂN TOÀN^(*)

Trong bài *Nhận xét về nỗ lực hội nhập văn hóa của đạo Thiên Chúa trên bình diện nghệ thuật*, tôi đã có dịp nói qua về ảnh tượng Công giáo. Dĩ nhiên tôi không có tham vọng đưa ra giải pháp cuối cùng, chỉ muốn đưa ra một số sự kiện và điều kiện lịch sử để tương đối hoá những yếu tố không còn hợp thời hay không hợp giáo lí, để các vị hữu trách dễ quyết định cho hợp tình hợp lí.

Có người bạn nhận xét rằng khi vào nhà thờ Việt Nam, từ lối trang trí cho đến ảnh tượng, đều không hay đáng về gì là Việt Nam, cho nên thắc mắc không biết khi người ngoài Công giáo thấy như thế, họ sẽ nghĩ gì về đạo Chúa. Để trấn an đôi chút cho thắc mắc đó, tôi đề nghị nên tương đối hoá vấn đề và nhìn nó theo một viễn tượng lâu dài. Thực thế, từ xưa đến nay các dân tộc trao đổi và vay mượn văn hóa nhau rất nhiều, cho nên có những yếu tố buổi đầu cho là lạ lẫm, không dung nổi, rồi sau cũng quen đi và được thâm nhập vào văn hóa của mình. Có khi thâm nhập dưới hình thức ngoại lai, có khi mặc cho nó hình thức mới, hợp với văn hóa địa phương. Chính vì thế mà văn hóa các nước được phong phú hơn.

Đứng trước một yếu tố nghệ thuật tôn giáo còn lạ lẫm, người ta có thể có hai thái độ: một là, cho rằng nó không hợp với đường lối đã quen cho tới nay, và vì thế không thể dung được; hai là, thấy nó gợi tính hiếu kì, và muốn tìm hiểu cho rõ lí do.

Đối với những xã hội xây dựng trên tam cương ngũ thường của Khổng giáo thì nếp sống xuất gia tu hành của nhà Phật buổi đầu bị liệt vào hai tội: tội *vô hậu*, là lỗi với tổ tiên, và tội trốn việc quan đi ở chùa. Nhưng rồi khi hiểu rõ ý nghĩa, xã hội Trung Hoa và ta đều chấp nhận nếp sống xuất gia như thế. Chính vì đã có cái căn bản như thế, cho nên khi các giáo sĩ Công giáo lập ra hai lối xuất gia đi tu: tu dòng (dòng Tên, dòng Đa Minh, dòng Mến Thánh giá) và tu nhà Đức Chúa Trời để giảng đạo, người dân Việt Nam cũng không lấy làm lạ cho lắm.

Vì thế, về vấn đề ảnh tượng Công giáo, ta cũng có thể tương đối hoá và nhìn theo viễn tượng lâu dài một chút.

1. Ảnh tượng đã xuất hiện như thế nào trong Giáo hội Công giáo?

Trong buổi đầu, đạo Thiên Chúa không dùng ảnh tượng gì trong việc thờ phượng, vì theo như giới luật đạo cũ là đạo Do Thái, thì Đức Chúa là vô hình vô tượng, cho nên cấm không cho làm ảnh tượng Đức Chúa theo như hình người, hình chim muông cầm thú, hay là hình các vật trong trời đất. Thờ như thế là thờ không phải lối, thờ không đúng phép. Như thế là đi ngược hẳn lại tôn giáo

*. Nhân dịp sang công tác tại Việt Nam, GS. TS Trần Văn Toàn, một người Công giáo giảng dạy tại Đại học Công giáo Lille, Cộng hoà Pháp, gửi cho Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* bài viết này, xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo (BBT).

của các dân tộc chung quanh, như Ai Cập, Hi Lạp, Ấn Độ, Rôma, v.v..., thường có thói quen làm ảnh tượng thần linh vô vàn vô số.

Tuy vậy, cũng đã thấy xuất hiện một vài hình ảnh, ví dụ như hình con cá. Dĩ nhiên đây không phải là hình ảnh Đức Chúa, mà là một lối chơi chữ vừa tế nhị lại vừa là mật hiệu, để trong lúc đạo bị cấm cách, người theo đạo có dấu hiệu để nhận ra nhau và tìm ra nơi thờ tự. Thực vậy, người tín hữu tuyên xưng đức "Giêsu là Chúa cứu thế và là con Thiên Chúa", tiếng Hi Lạp là "Iêsous Khristos Theou Unios Sotêr", nếu lấy mẫu tự đầu của năm từ ngữ đó mà xếp lại với nhau thì thành từ ngữ "Ikhtus", có nghĩa là "con cá". Về sau dùng thêm hình thập tự giá để tưởng niệm cuộc tử nạn của Đức Giêsu, lại dùng hình con chiên, vì trong Phúc âm Thánh Gioan (1,29), có dùng kiểu nói đó để chỉ Đức Giêsu⁽¹⁾.

Cũng nên biết rằng, vào quãng cuối thế kỷ XVI, trong Giáo hội đã có một cuộc tranh luận gắt gao về ảnh tượng. Một phái chủ trương phải huỷ bỏ các ảnh tượng để tránh việc thờ phượng trái phép, một phái chủ trương có thể dùng ảnh tượng để giúp cho người tín hữu tưởng niệm những chân lý trong đạo. Phái thứ hai đã thắng thế, và người ta còn thêm vào đó một lý do nữa: trong mẫu nhiệm nhập thể, chúng ta thấy được một cách cụ thể trong con người Giêsu, những cử chỉ và tâm tình của Thiên Chúa đối với ta. Tuy vậy thiết tưởng cũng không nên bỏ hẳn lý luận của phái thứ nhất, để tránh những điều thái quá trong vấn đề ảnh tượng.

Vào thời Trung cổ, trong lúc đa số nhân dân Âu Châu chưa biết đọc, biết viết, thì ảnh tượng dùng trong các nhà thờ, hoặc là tạc vào đá, vẽ vào tường hay là các cửa sổ ghép kính, đã có công dụng thật lớn trong việc truyền đạo. Trông vào các ảnh tượng

ấy, những người không biết đọc có thể nhận ra những sự tích kể trong Kinh Thánh, về đời sống các thánh tổ phụ, về sứ điệp các thánh ngôn sứ và về đời sống, lời giảng của Đức Giêsu. Người ta quen gọi các ảnh tượng như thế là "Kinh Thánh của những người nghèo".

Tuy nói là có tô tranh đắp tượng, nhưng ảnh tượng chỉ có tính cách tượng trưng, chứ không ai gây thơ đến nỗi cho rằng ảnh tượng phác họa đúng như thật, như hình chụp ngày nay. Vì lẽ trong Kinh Thánh chỉ có lời nói chứ không có hình ảnh nào cả, lại cũng không có mô tả diện mạo, mà chỉ nói đến cử chỉ, lời nói và việc làm của các nhân vật mà thôi. Cho nên không ai biết diện mạo các vị đó ra sao.

Vì thế trong các ảnh tượng, diện mạo không quan trọng bằng cử chỉ, lời nói và việc làm. Thường thì vị nào có vai trò quan trọng được trình bày ở trung tâm bức tranh, có thân hình to lớn hơn các vị khác, hoặc là có hào quang trên đầu (như bên Phật giáo cũng thường làm). Khi trình bày Thánh Phêrô, người ta cho Ngài cầm chìa khóa, vì trong Phúc âm có nói Ngài được Chúa cho chia khoá nước Thiên Đường (Mt 16, 19). Trong ảnh tượng Thánh Phaolô, ta thấy Ngài cầm gươm, vì tục truyền Ngài bị xử trảm. Khi thấy tranh mẹ bế con, người Công

1. Tôi thấy ngỡ ngàng khi nghe đọc câu: "Lạy con chiên Thiên Chúa". Vẫn biết đó là phiên dịch thật là đúng, nhưng dịch như thế lại có thể và đã làm cho người ngoại đạo hiểu lầm là đạo ta có thờ một con chiên. Thiết tưởng muốn dịch cho đúng ý, nhiều khi chữ "là" phải dịch thành "là như" hay "như là", mới tránh được cách hiểu lầm như thế. Vì lẽ Đức Giêsu không phải là một con chiên (cũng như người giáo dân không phải là đoàn chiên mà giáo sĩ dẫn đi ăn cỏ, rồi sau đó cho người ta xén lông hay làm thịt), nhưng Ngài là như con chiên hiền lành. Ông cha chúng ta đã biết dịch đúng ý như thế trong một vài chỗ trong kinh cầu Đức Bà: "Đức Bà như hòm bia Thiên Chúa, như tháp ngà, như đèn vàng, v.v..."

giáo Việt Nam cho là hình ảnh Đức Bà bế Đức Chúa Giêsu, còn người không Công giáo có thể coi là ảnh "Quan Âm tống tử", tuy chẳng ai biết mặt mũi Đức Bà hay Quan Âm ra sao.

Tuy đã có lời rằng: "Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả" (Ga 1, 18), nhưng người ta vẫn hay trình bày Đức Chúa Cha dưới hình một cụ già khả kính, đầu tóc bạc phơ, theo như sách ngôn sứ Daniel (7, 9), trình bày Đức Chúa Thánh Thần dưới hình chim bồ câu theo đúng như Phúc âm (Mt 3, 16). Riêng về Đức Giêsu thì trong những hình ảnh đầu tiên người ta vẽ Ngài như một thanh niên chưa có râu. Về sau thì vẽ Ngài như một vị hoàng đế hay một nhà hiền triết Hi Lạp có râu rậm oai nghi bề bệ.

Ngày nay, ta biết là Đức Chúa Giêsu và các môn đệ đều là người sinh trưởng ở miền cực Tây Châu Á, có tóc đen và quần quần, nước da bánh mật, nhưng người Âu Châu trước đây đã trót "hội nhập văn hóa" mà vẽ hình Ngài như người Âu Châu, da trắng. Thực ra đó chỉ là tuý phụ. Hành vi, cử chỉ và lời nói mới là cốt yếu. Có những cảnh tuy không được nói đến trong Phúc âm, nhưng nhà nghệ sĩ sùng đạo cũng tưởng tượng, dần cảnh và vẽ ra, như tranh Đức Bà ấp xác con sau khi tháo phanh, tranh Chúa đang ra khỏi mộ. Gần đây, còn có cả ảnh trái tim Đức Bà bị bảy mũi gươm đâm thấu qua, tranh Truyền tin trong đó vị thiên sứ Gabriel được vẽ như một chàng thanh niên có hai cánh như chim. Lại có tranh Đức Chúa Giêsu chỉ vào trái tim đang để ra ngoài áo, biểu hiện cho lòng Chúa yêu thương loài người.

Khi phong trào tôn sùng Đức Bà và các thánh được phổ biến rất rộng, như tôi đã có dịp giải thích lý do, thì ảnh tượng càng ngày càng nhiều trong khắp thế giới Công giáo, nhất là từ khi sáng chế ra máy in. Thường

thì không ai biết mặt mũi các vị thánh ra sao, nhưng điểm quan hệ không phải ở chỗ đó, mà là ở tác phong các vị đó. Vì thế, chỉ cần xem xét các chi tiết liên quan đến các vị ấy mà nhận ra. Ví dụ: ông Thánh Rôcô, có tiếng là hay chữa cho người bị chó dại cắn, thì trong ảnh tượng có vẽ con chó đang liếm vết thương Ngài; bà Thánh Têrêxa hài đồng Giêsu thì thấy đang tung hoa hồng, vì Ngài hứa sẽ rải hoa hồng từ trời xuống đất; ông Thánh Antôn thì đang cầm sách thánh và có hài đồng Giêsu đang ngự trên sách, v.v... Riêng Đức Bà thì có vô số ảnh tượng khác nhau, tùy theo các tước hiệu mà Giáo hội tặng cho Ngài: Đức Bà ban ơn, Đức Bà hằng cứu giúp, và các tước hiệu được xướng lên trong kinh cầu Đức Bà, lại thêm các nơi có tiếng là có Đức Bà hiện ra, như Lourdes, Fatima, La Vang, v.v...

Nghệ thuật Công giáo là một di sản lớn ở Âu Châu. Ảnh tượng Công giáo không những có trong các viện bảo tàng của các thành phố, có người săn sóc canh gác, mà còn rải rác trong cả các nhà thờ ở thôn quê, là những nơi công cộng thường không có ai coi sóc. Cho nên chúng thường hay bị người manh tâm lấy trộm đem bán cho nhà giàu để lập viện bảo tàng cá nhân. Từ khi sáng chế ra máy in thì người ta in ra nhiều tranh, hoặc là vẽ, hoặc là khắc vào gỗ rồi in, đồng thời cũng đắp ra nhiều tượng, để cung cấp cho giáo dân. Tuy ít tính nghệ thuật, nhưng cũng nâng đỡ nhiều cho lòng đạo của giáo dân, nhất là khi không đọc được sách đạo và Kinh Thánh, hay khi không được đọc Kinh Thánh (vì các vị hữu trách không dám nghĩ đến việc phiên dịch, hay có ý hạn chế việc đọc Kinh Thánh). Chính loại ảnh tượng như thế, và các loại tranh để đeo ở cổ (loại tranh nhỏ đúc bằng nhôm, hay khâu bằng vải, như tranh đeo thay áo Đức Bà) đã được các giáo sĩ Tây phương đem khá nhiều sang Việt Nam và các xứ truyền giáo. Thế rồi ta cứ

theo mẫu đó mà làm ra ảnh tượng vì người mình xưa thường thiếu căn bản tín lí và phụng vụ để sáng tác ra ảnh tượng vừa hợp giáo lí vừa có tính nghệ thuật. Chính vì thế cần phải đặt lại vấn đề ảnh tượng trong khung cảnh hội nhập văn hóa.

2. Xét lại về ảnh tượng Công giáo tại Việt Nam

Có người nhận xét rằng ngày nay khi vào nhà thờ Việt Nam, hoặc theo kiến trúc cổ truyền của ta, hoặc theo kiến trúc hiện đại, đều thấy từ cách trang trí cho đến ảnh tượng, toàn là ảnh tượng có hình người Âu Châu, cho nên "thấy nó thế nào ấy". Điều đó đúng. Nhưng có người khác lại nghĩ rằng các vị thánh nhân mà ta tô đắp ảnh tượng đều không phải là người Việt Nam, cho nên cứ để y như cũ mới là đúng. Thú thực tôi cũng phân vân.

Xin tạm gác vấn đề đó ra một bên và nhìn qua bên nhà Phật xem trước đây vấn đề ảnh tượng được giải quyết ra sao. Chúng ta biết Đức Phật là người Ấn Độ, chứ không phải người Trung Hoa, và cũng không có sách nào cho biết diện mạo Ngài như thế nào. Ta nhận thấy là trừ một số tượng Phật có hình dáng một thầy tu Ấn Độ, thân thể mang dấu vết một đời khắc khổ trai giới, các tượng khác mà ta quen gặp trong những nước theo văn hóa Trung Hoa, đã được "hội nhập văn hóa" rất sớm, thì mặt mũi giống như người miền đông và đông nam Châu Á, thân hình đầy đặn, không có dáng vẻ gì là khổ hạnh cả. Cái quan trọng không phải là ở chỗ đó, mà là ở cử chỉ: Phật ngồi xếp bằng, theo kiểu tọa thiền; nét mặt bình thản, như không bị vật gì làm xúc động; hai mắt thì nhắm lại, như không biết gì đến cái thế giới của ảo ảnh luân hồi; tay thì có những cử chỉ như giảng thuyết, chứng minh, biện luận, hoặc là trở xuống phía dưới như lấy đất làm chứng. Người ta đã quá quen như thế rồi.

Vả lại ai cũng biết Phật là người xưa chứ không phải thời nay, cho nên không ai nghĩ đến việc "cập nhật hoá". Chính Phật tử Âu Châu ngày nay cũng không nghĩ đến việc cho tượng Phật có một bộ mặt và trang phục Âu Châu cho hợp thời.

Trở lại ảnh tượng Công giáo ở Việt Nam. Từ buổi đầu, các giáo sĩ phương Tây đã đưa sang ta một mẫu ảnh tượng có sẵn ở Âu Châu. Một khi ảnh tượng đã có tính tôn giáo thì thường cũng thay đổi rất ít. Có thay đổi là do quan điểm nghệ thuật đã thay đổi. Trong mấy thế kỉ trước đây, các nghệ sĩ Âu Châu đã cho ảnh tượng Đức Giêsu nhiều bộ mặt khác nhau để diễn tả tâm tình con người Giêsu trong nhiều cảnh huống khác nhau. Đến khi nghệ thuật đi vào chiều hướng trừu tượng thì khi trông vào hình vẽ không còn thấy rõ là mặt người Âu hay người Á. Khi tạc tượng, người Âu Châu không có thói quen sơn tượng theo mẫu tóc, màu da hay màu áo, như người Việt ta thường làm, cho nên không để ý đến màu da đen, trắng hay vàng.

Tôi đồng ý là ảnh tượng Công giáo ở Việt Nam thường có bộ mặt người Âu Châu. Loại ảnh tượng được phổ biến rộng thường là loại "Saint Sulpice", hầu như gia đình Công giáo nào cũng có, kể cả các gia đình di cư ở Mỹ, Úc, và Âu Châu. Tuy không phải là không có ích về phần đạo, nhưng thường ít giá trị nghệ thuật. Có những ảnh tượng do lòng sùng đạo sáng tác ra, ví dụ như ảnh tượng trái tim Đức Chúa Giêsu, trái tim Đức Bà bị bảy mũi gươm đâm qua, tuy là giàu ý nghĩa, nhưng tôi tự hỏi không biết người ngoài Công giáo trông vào thì họ có ý nghĩ như thế nào, rất có thể họ cũng không thắc mắc gì hơn như khi thấy ảnh tượng Quan Âm có vô số tay, vô số mắt.

Vẫn biết là trông vào ảnh tượng Công giáo có vẻ Tây hơn là Việt thì "thấy nó thế nào ấy", nhưng nếu ta làm cho nó có vẻ

Việt Nam hơn, thì tôi cũng thấy không ổn. Chẳng lẽ ta lại vẽ Đức Chúa Cha như một cụ già hói đầu, tóc dài và bạc phơ, như kiểu Thái Thượng Lão Quân? Đức Chúa Giêsu làm vua thì cho mặc áo cẩm bào như kiểu vua Bảo Đại ngày xưa? Các thiên thần châu chực trên Thiên Đường thì cho mặc áo đại trào và đội mũ cánh chuồn như kiểu Táo Quân? Các thánh tông đồ thì cho mặc áo thụng xanh, như các bộ trưởng thời Ngô Đình Diệm? Thánh Giuse ngày nay được đặt làm quan thầy các người lao động, thì cho mặc áo cộc quần đùi, chít khăn mỏ rùu? Còn bà thánh Madalêna thì cho mặc áo dài không có cổ, như kiểu áo "bà Nhu" trước đây ba bốn mươi năm?⁽²⁾ Thực ra người Âu Châu cũng không thay đổi y phục cho ảnh tượng mỗi khi y phục trong nước họ có thay đổi. Thiết tưởng việc hội nhập văn hóa không quan trọng lắm về mặt ảnh tượng của các nhân vật lịch sử, mà quan trọng hơn ở đường lối tư tưởng và lễ nghi.

Tuy người Công giáo khắp thế giới đã quá quen thuộc với loại ảnh tượng từ Âu Châu đem sang nhiều thế kỷ trước, nhưng tôi nhận thấy rằng ở Âu Châu, nhất là từ sau Công đồng Vatican II, người ta không còn bày la liệt các ảnh tượng trong nhà thờ nữa, vì đã nhận ra trọng tâm là Kinh Thánh và phép Thánh thể. Thiết nghĩ như thế cũng phải, vì các loại ảnh tượng ấy không có nhiều giá trị nghệ thuật, hơn nữa lại ít căn cứ vào Kinh Thánh, giáo lý và phụng vụ chính thức của Giáo hội, mà phần nhiều được phát triển theo những "mặc khải" riêng tư của bà thánh nọ, của chị nữ tu kia. Kết quả là làm cho lòng đạo đi lệch ra ngoài trọng tâm, gây ra lối sùng đạo quá nhiều tình cảm, ít căn cứ vào Kinh Thánh. Thật là cái vòng quẩn: chính vì xưa kia người ta không đọc được Kinh Thánh, nên phải dùng ảnh tượng; còn ngày nay, khi đã quá quen dùng ảnh tượng, nó lại lấn át cả Kinh Thánh, làm cho có nhiều cái rườm rà trong

lối giữ đạo của ta, và nhiều khi không phân biệt được đâu là cái chính, đâu là cái tùy.

Vậy bây giờ nên làm gì? Nếu muốn duy trì ảnh tượng, thì có thể dùng nghệ thuật hiện đại, trừu tượng một chút, chỉ chú trọng vào cử chỉ, những nét chính, chứ không đi vào các chi tiết tỉ mỉ. Lúc đó sẽ không phải phân biệt về tây hay về ta nữa. Tôi đã thấy như thế trong ảnh tượng *Mười bốn nơi thương khó* ở mấy nhà thờ Âu Châu xây kiểu mới. Tôi thấy có thể chấp nhận được. Tuy biết là ảnh tượng có thể giúp nhiều cho lòng đạo của giáo dân, nhưng thiết nghĩ nên rút bớt ảnh tượng các thánh đi, để chú trọng vào Chúa Giêsu là vị môi giới độc nhất giữa Đức Chúa và loài người. Tôi biết giáo dân rất sốt sắng về việc phong thánh, dân nào cũng muốn có người mình được phong thánh, dòng tu nào cũng muốn vận động cho vị sáng lập ra dòng mình được phong chân phước, được phong thánh. Ai không biết rằng mỗi cuộc phong thánh đều tốn nhiều công của cho giáo dân. Nhưng nói cho cùng thì đó không phải là công việc trọng yếu của Giáo hội. Hiện nay ta đã dịch và phổ biến Kinh Thánh, thiết tưởng cũng nên nhờ đó mà thay đổi lối đọc kinh nguyện gẫm của ta. Nếu trước đây mỗi ngày chúng ta đọc gần hết sách kinh, cầu hết ông thánh này đến bà thánh khác, thì nay cũng nên thử đọc lời Chúa và đọc thánh vịnh⁽³⁾ trong khi cầu nguyện, kinh các thánh nên bớt đi, để có thì giờ chú trọng vào Đức Chúa. Như thế hợp với lễ đạo hơn. Và rồi ảnh tượng cũng không còn là vấn đề quan trọng nữa./.

2. Tôi có thấy một bản kinh dâng người nước Trung Hoa cho Đức Bà, bằng chữ Hán, trừ một vài chữ thay đổi còn lại y như "kinh dâng mọi người nước Việt Nam cho Đức Bà Maria đồng trinh", kèm theo kinh ấy có tranh Đức Bà mặc áo kiểu Trung Hoa giống như kiểu áo của bà Từ Hi Thái Hậu nhà Thanh. Đó cũng là một lối "hội nhập văn hóa".

3. Bên anh em Tin Lành thường có thói quen in *Tân Ước* và thánh vịnh làm một tập, để giáo dân theo đó mà đọc lời Chúa và cầu nguyện cho tiện.